

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tuyến đường và thời gian hoạt động của phương tiện vận chuyên chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý; chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 67/TTr-SGTVT ngày 28 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tuyến đường và thời gian hoạt động của phương tiện vận chuyên chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý; chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động vận chuyên chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất

thải nguy hại và các cơ quan, đơn vị có liên quan đến hoạt động này trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Đường đô thị theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 39 Luật Giao thông đường bộ là đường trong phạm vi địa giới hành chính nội thành, nội thị, bao gồm: Đường cao tốc đô thị, đường phố, đường ngõ, ngách, kiệt, hẻm trong đô thị.

2. Đường ngoài đô thị là các đường không nằm trong phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được phép hoạt động trên các tuyến đường từ các điểm tập kết, trạm trung chuyển đến cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

2. Thời gian vận chuyển

a) Đường đô thị: Thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện từ 19 giờ 00 ngày hôm trước đến 05 giờ 00 ngày hôm sau. Riêng thành phố Biên Hòa thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện từ 19 giờ 00 ngày hôm trước đến 05 giờ 00 ngày hôm sau và từ 08 giờ 00 đến 11 giờ 00.

b) Đường ngoài đô thị: Không quy định thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

c) Các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt ngoài việc thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này, phải tuân thủ hệ thống báo hiệu đường bộ trên các tuyến đường theo quy định.

Điều 5. Tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý

1. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý được phép hoạt động trên các tuyến đường từ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, cơ quan, tổ chức có phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý đến các cơ sở sản xuất, xử lý theo quy định.

2. Thời gian vận chuyển

a) Đường đô thị: Thời gian vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý được thực hiện từ 19 giờ 00 ngày hôm trước đến 05 giờ 00 ngày hôm sau.

b) Đường ngoài đô thị: Không quy định thời gian vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý.

c) Các phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý ngoài việc thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này, phải tuân thủ hệ thống báo hiệu đường bộ trên các tuyến đường theo quy định.

Điều 6. Tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải nguy hại

1. Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại được phép hoạt động trên các tuyến đường từ nguồn thải chất thải nguy hại đến cơ sở xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

2. Thời gian vận chuyển

a) Đường đô thị: Thời gian vận chuyển chất thải nguy hại được thực hiện từ 19 giờ 00 ngày hôm trước đến 05 giờ 00 ngày hôm sau.

b) Đường ngoài đô thị: Không quy định thời gian vận chuyển chất thải rắn nguy hại.

c) Các phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại ngoài việc thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này phải tuân thủ hệ thống báo hiệu đường bộ trên các tuyến đường theo quy định.

Điều 7. Trách nhiệm các tổ chức, cá nhân hoạt động vận chuyển

1. Tuân thủ pháp luật về giao thông đường bộ và các yêu cầu về trách nhiệm, nghĩa vụ được hướng dẫn tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan đối với hoạt động vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý và chất thải nguy hại.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia vận chuyển chất thải rắn phải có các biện pháp phòng ngừa; thông báo khẩn cấp cho các cơ quan chức năng kịp thời xử lý khi xảy ra sự cố, rủi ro trong quá trình vận chuyển chất thải rắn.

3. Quản lý, sử dụng các phương tiện, thiết bị vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý và chất thải nguy hại theo đúng lộ trình tuyến đường và thời gian vận chuyển tại Quyết định này và tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 8. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, địa phương

1. Sở Giao thông vận tải

a) Chủ trì phối hợp với các Sở, Ban ngành, cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.



b) Tổng hợp các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan cho phù hợp.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh.

3. Công an tỉnh

a) Phối hợp với các Sở, Ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường các cấp thực hiện kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật.

b) Tăng cường công tác kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời có các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Ban Quản lý Khu công nghệ cao công nghệ sinh học.

a) Phối hợp với các cơ quan liên quan trong trường hợp phát hiện những vi phạm về quản lý, vận chuyển chất thải trên địa bàn để xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức tuyên truyền cộng đồng, doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu công nghệ cao công nghệ sinh học về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý và chất thải nguy hại.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Tổ chức quản lý các hoạt động có liên quan đến vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý và chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm theo quy định đối với hoạt động vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý và chất thải nguy hại thuộc thẩm quyền; Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động nhân dân tích cực giữ gìn vệ sinh môi trường và nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, nâng cao ý thức cộng đồng về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường phải xử lý và chất thải nguy hại.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan trong trường hợp phát hiện những vi phạm về quản lý, vận chuyển chất thải trên địa bàn để xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Hiệu lực áp dụng

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 10 năm 2024.

2. Trong quá trình thực hiện Quyết định này, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải; Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Công an tỉnh; Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp; Trưởng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 9;
 - Vụ pháp chế Bộ Tài nguyên và Môi trường;
 - Vụ pháp chế Bộ Giao thông vận tải;
 - Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - UBMT TQVN tỉnh;
 - Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
 - Sở Tư pháp;
 - Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
 - Báo, Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai;
 - Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - Lưu: VT, THNC, HCC, KTN, Tan.(40b)
- <D:\2024\UBT\Tham mưu GT\>

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hoàng

Nguyễn Thị Hoàng

